TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày 09-8-2024
"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Trần Văn Phi

* *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

Ông Thái Cao Bình

** Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ dân sự án lý số 61/2021/TLST-DS ngày 05/7/2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 01/2022/DS-ST ngày 06/12/2024; Thông báo mở lại phiên toà số: 05/2024/DSST ngày 30/5/2024; Thông báo chuyển ngày xét xử số 08/2024/DSST ngày 04/6/2024; Thông báo chuyển ngày xét xử số 13/2024/DSST ngày 04/7/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 36/2024/QĐHPT-DS ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Chế Thị Mỹ C - Sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Châu ủy quyền cho ông Lê Văn T (ông T có mặt)

(Theo giấy uỷ được Văn phòng công chứng Ngọc Trung chứng thực số 1881; quyển 02/2021 – TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2021). (

Trú tại: Số * đường **, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**** Bị đơn:*** Bà Trần Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn H1 - Sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn đơn khởi kiện ngày 09/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với bị đơn, năm 2021 bà Chế Thị Mỹ C cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị H mượn số tiền 2.240.000.000đ (hai tỉ hai trăm bốn chục triệu đồng) để làm ăn và giải quyết việc gia đình trong thời hạn 03 tháng. Hai bên lập giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2021.

Ngày 22/02/2021 (âm lịch) ông H1, bà H đã trả được cho bà Châu 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), sau đó ông Hải, bà Hiền không trả nữa.

Nay bà Chế Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị H phải trả số tiền còn nợ là 1.640.000.000đ (một tỉ sáu trăm bốn chục triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 25/03/2022 và trong quá trình giải quyết bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án cấp tống đạt thông báo thụ lý vụ án để bà Hiền thực hiện quyền phản tố của mình theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu phản tố gửi đến Toà án đề ngày 01/8/2023 bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa để điều tra làm rõ hành vi "*cho vay nặng lãi và cưỡng đoạt tài sản*" của mẹ con bà Chế Thị Mỹ C; đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Chế Thị Mỹ C; vợ chồng bà H đã trả cho bà Chế Thị Mỹ C bằng tiền mặt là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Sau đó bà C còn ép buộc vợ chồng bà H là làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất để cấn trừ nợ. Như vậy vợ chồng bà H đã trả hết nợ cho bà C.

- *Tại phiên tòa đại diện theo quyền của nguyên đơn tranh luận:*

Sự việc vay mượn tiền có lập giấy nợ, vợ chồng ông H1, bà H thừa nhận có nợ nhưng không chịu trả nên nguyên đơn yêu cầu ông H1, bà H phải trả ngay số tiền 1.640.000.000đ (một tỉ sáu trăm bốn chục triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định tại các Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thực hiện đúng thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Việc vay mượn tiền giữa các bên có lập giấy tờ, bà Hiền, ông Hải không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả khoản nợ.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 465, 466, 469 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H1 bà H phải trả số tiền 1.640.000.000đ cho bà Chế Thị Mỹ C.

Về án phí: Ông H1, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ các Điều 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và Trần Thị H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ biểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Đơn yêu cầu phản tố của bà H đề ngày 01/8/2023 bà Trần Thị H có nội dung không thuộc phạm vi quy định tại Điều 200 Bộ Luật tố tụng dân sự, nên Toà án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà đã có Thông báo số 119/TB-TA về việc không thụ lý yêu cầu phản tố của bà Hiền.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông H1, bà H đã nhiều lần có đơn yêu cầu Toà án chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Công an để điều tra làm rõ hành vi cho vay nặng lãi của bà C. Theo tài liệu Toà thu thập được (tại bút lục số 58) và tại Thông báo số 607/TB-ĐTTH ngày 04/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C về việc trả lời đơn cho bà Trần Thị H nêu rõ "Không có cơ sở để thụ lý, giải quyết đối với đơn của bà Hiền".

[2.2] Nguyên đơn bà Chế Thị Mỹ C cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị H vay tiền số tiền 2.240.000.000đ (hai tỉ hai trăm bốn mươi triệu đồng). Sự việc vay mượn giữa các bên được xác định bằng giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2021. Tại mặt sau của giấy vay tiền có nội dụng xác nhận vợ chồng ông H1, bà H đã trả cho bà C được 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Như vậy, việc các bên xác lập các giao dịch vay mượn là tự nguyện và không trái với quy định pháp luật dân sự. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp đã chứng minh ông H1, bà H còn nợ bà Châu 1.640.000.000đ (một tỉ sáu trăm bốn triệu đồng).

[2.3] Bà H, ông H1 cho rằng khoản nợ ghi trong giấy lập ngày 19/01/2021 bà C cộng nhiều khoản lãi vào và khoản nợ này đã được trả cho bà C. Ngày 28/8/2023 Tòa án ra Quyết định số 92/2023/QĐ-CCTLCC yêu cầu ông H1, bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh là đã trả các khoản nợ này nhưng ông H1, bà H không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là đã trả nợ cho bà C.

[2.4] Ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị H không trả nợ cho bà Châu làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà C. Vì vậy, buộc ông H1, bà H phải trả cho bà C số tiền 1.640.000.000đ (một tỉ sáu trăm bốn chục triệu đồng) là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Bà Chế Thị Mỹ C không yêu cầu tính lãi nên không xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị H phải chịu 61.200.000đ (sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị Mỹ C. Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị H phải trả số tiền 1.640.000.000đ (một tỉ sáu trăm bốn chục triệu đồng) cho bà Chế Thị Mỹ C.

2.Về án phí: Ông Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị H phải chịu 61.200.000đ (sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìa đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Chế Thị Mỹ C 30.600.000đ tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số AA/2021/0008831 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

Quy định: Kể từ ngày bà Chế Thị Mỹ C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị H không thi số tiền phải thi hành án thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời han 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chị Cục THADS huyện Cam Lâm;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Văn Phi